

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



ĐẠM HÀ BẮC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

BẮC GIANG – 2022



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Tên tiếng Anh	: Habac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
Tên viết tắt	: HANICHEMCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/10/2019.
Vốn điều lệ	: 2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	: 272.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại	: (+84-204) 3854538
Số fax	: (+84-204) 3855018
Website	: http://damhabac.com.vn/

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 18/2/1959 Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Trung Quốc hiệp định về việc giúp đỡ xây dựng nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

Đầu năm 1960 nhà máy Phân đạm đầu tiên của Việt Nam được khởi công xây dựng trên mảnh đất 40ha thuộc xã Thọ Xương cách thị xã Bắc Giang về phía bắc 1km (nay thuộc phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Sau 05 năm xây dựng, Nhà máy đã hình thành với tổng số 130 công trình.

Ngày 03/02/1965 khánh thành Phân xưởng Nhiệt điện. Ngày 19/05/1965 Phân xưởng Tạo khí đã sản xuất thành công được khí than để làm nguyên liệu sản xuất Amôniac. Ngày 01/06/1965 Xưởng Cơ khí đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, do cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nên Chính phủ quyết định tạm ngừng đưa nhà máy vào sản xuất và phân xưởng Nhiệt điện chuyển thành nhà máy Nhiệt điện Hà Bắc bám trụ sản xuất phục vụ kinh tế và quốc phòng. Xưởng Cơ khí chuyển thành Nhà máy Cơ khí hoá chất Hà Bắc sơ tán lên Lạng Giang và sản xuất theo nhiệm vụ thời chiến, Khu Hoá tháo dỡ thiết bị đưa trở lại Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ đã đánh phá Nhà máy Điện 52 trận với hàng ngàn tấn bom đạn. Tụ vệ nhà máy đã tham gia chiến đấu 63 trận, góp phần bắn rơi một máy bay Mỹ và bắn bị thương một số chiếc khác.

Đầu năm 1973, Nhà máy được khôi phục xây dựng và mở rộng, ngày 01/5/1975 Chính phủ hợp nhất Nhà máy Điện Hà Bắc, Nhà máy Cơ khí Hoá chất Hà Bắc và các phân xưởng Hoá thành lập Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Ngày 12/12/1975 sản xuất ra bao đạm mang nhãn hiệu Lúa vàng đầu tiên. Ngày 30/10/1977 Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân Đạm Hà Bắc, đánh dấu mốc son của ngành sản xuất phân đạm Việt Nam.

Năm 1976 - 1983 sản xuất gặp nhiều khó khăn, sản lượng năm 1981 chỉ đạt 9000 tấn đạm urê bằng 9% công suất thiết kế. Ngày 17/01/1983 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có Chỉ thị 19-CP nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất của Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

Ngày 10/10/1988 Nhà máy đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Ngày 13/02/1993 đổi tên thành Công ty Phân đạm và Hoá Chất Hà Bắc.

Ngày 20/10/2006 chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Ngày 01/01/2016 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã được sự quan tâm của các đồng chí Lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Trần Đức Lương đã về thăm và làm việc tại Công ty.

Kể từ khi đưa Nhà máy vào sản xuất năm 1976 đến nay, Công ty đã sản xuất được hơn 5 triệu tấn đạm urê.

Các danh hiệu cao quý:

- Năm 2010: Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương độc lập hạng ba.

- Năm 2011: Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.

- Năm 2012: Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH₃ lỏng và các sản phẩm khí công nghiệp.

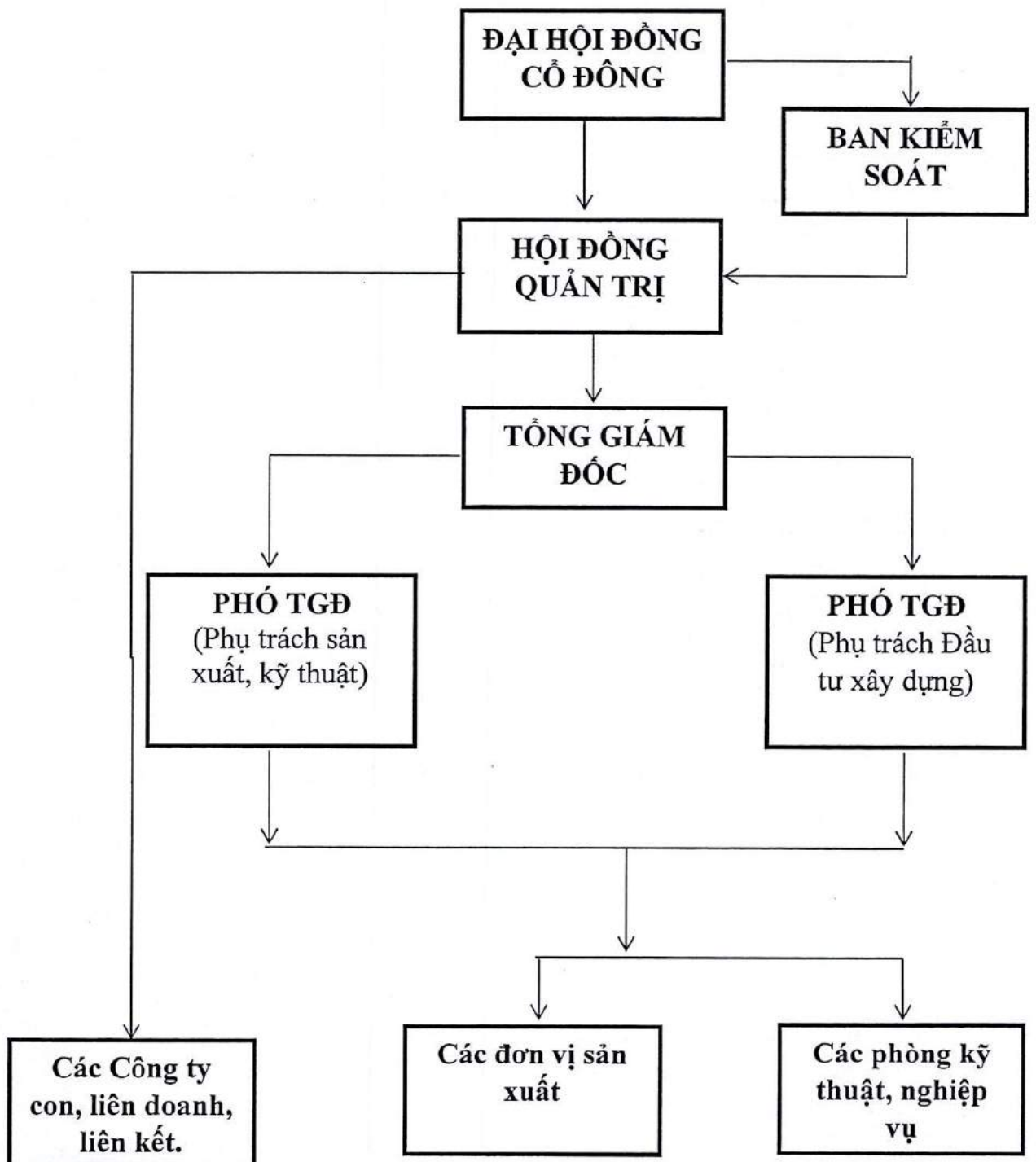
➤ Địa bàn kinh doanh: Toàn lãnh thổ Việt Nam và có xuất khẩu ra nước ngoài.

- Đối với sản phẩm Urê: Tiêu thụ trên địa bàn cả nước và xuất khẩu, Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối.

- Đối với sản phẩm NH₃ lỏng: Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, MAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mỳ chính,... và bán thông qua nhà phân phối của Công ty trên địa bàn cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

< Cơ cấu bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành.

HĐQT thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

1. Ông Hà Xuân Hán - Trưởng Ban
2. Bà Đặng Thị Minh Lý - Thành viên
3. Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

1. Ông Nguyễn Đức Ninh - Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Văn Trung - Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

4.5. Các đơn vị thành viên Công ty:

Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng công ty, phòng Tổ chức nhân

sự, phòng Kế hoạch, phòng Thị trường, phòng Vật tư vận tải, Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính, phòng Đầu tư Xây dựng, phòng Bảo vệ Quân sự, phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường, phòng Kỹ thuật công nghệ, phòng Điện - Đo lường, phòng Điều độ sản xuất, phòng KCS, phòng Cơ khí, phòng Y Tế.

Các xưởng sản xuất thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, Xưởng Tạo khí, Xưởng Amoniac, Xưởng Tổng hợp Urê, Xưởng Thành phẩm, Xưởng Than, Xưởng Điện, Xưởng ĐL-TĐH, Xưởng Sửa chữa, Xưởng Nước.

4.6. Các công ty con, Công ty liên kết:

Danh sách công ty con và công ty liên kết của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đến hết ngày 31/12/2021.

TT	Tên công ty		Giá trị vốn góp		Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
			Triệu VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)		
I	Công ty con					
1	CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc		54.230	64,56	Sản xuất và kinh doanh H ₂ O ₂	P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
II	Công ty liên kết					
1	CTCP Khí hóa lỏng Hà Bắc		8.649,06	36	Sản xuất và kinh doanh CO ₂ lỏng, CO ₂ rắn	Đ.Phạm Liâu, P.Thọ Xương, TP. Bắc Giang

Thực hiện việc thoái vốn đầu tư (5.423.000 cổ phần) của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Ngày 08/03/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có văn bản số 301/SGDHN-BĐG thông báo về việc chuyển tiền và danh sách sở hữu chứng khoán. Theo đó: Tổng số cổ phần thanh toán là 5.023.000 cổ phần, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc chỉ còn sở hữu 400.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 4,76% số lượng cổ phần đang lưu hành) của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Công ty Đạm Hà Bắc, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô trong toàn Công ty, nâng cao năng suất sản

xuất, ...

- Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc trở thành một Công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Phát triển tập trung vào theo các ngành nghề chính đã lựa chọn, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra lợi thế cạnh tranh...

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược dài hạn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp Urê cho thị trường phân bón.

- Chiến lược phát triển Trung hạn: Tập trung vào các phân khúc thị trường Đạm Urê cho sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị tiêu thụ sản phẩm NH₃.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp và người nông dân.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong sản xuất.

- Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về dòng tiền:

Do áp lực trả lãi vay lớn nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để duy trì hoạt động SX-KD liên tục

6.2 Rủi ro về Giá bán Urê, NH₃:

Giá Urê, NH₃ thế giới xuống thấp kéo theo giá trong nước giảm và xuống dưới chi phí biến đổi dẫn đến nguy cơ Công ty phải ngừng máy sản xuất.

6.3 Rủi ro về giá than:

Hiện nay than là nguyên, nhiên liệu chủ yếu cho sản xuất sản phẩm Urê được cung cấp chủ yếu bởi Tập đoàn than TKV. Do đó giá mua phụ thuộc nhiều vào giá than của TKV.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đặc điểm tình hình

- Dịch Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước từ cuối tháng 4, trong đó tỉnh Bắc Giang là tâm điểm của dịch trong tháng 5, tháng 6, gây ảnh hưởng chung tới đời sống kinh tế xã hội và tình hình SX-KD của các doanh nghiệp.

- Công ty đã làm chủ công nghệ thiết bị, tăng thời gian chạy máy, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, sản lượng sản phẩm quy đổi về Urê vượt mức kế hoạch năm và cao hơn so với năm 2020.

- Giá Urê và NH₃ thế giới liên tục tăng và duy trì ở mức cao so với thời điểm đầu năm. Công ty đã tận dụng tốt cơ hội, nỗ lực đẩy hàng ra thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, nâng cao hiệu quả, góp phần giảm lỗ so với Kế hoạch năm 2021 và thực hiện năm 2020.

- Công ty đã chủ động cân đối dòng tiền để đảm bảo duy trì hoạt động SX-KD và trả nợ gốc vay đầu tư sớm trước hạn, giảm chi phí lãi vay.

- Giá than thế giới tăng mạnh, giá bán than cám 4a.1 trong nước tăng 16% làm tăng giá thành sản xuất khoảng 310.000 đồng/tấn Urê làm giảm hiệu quả.

1.2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2021		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	SSTH năm 2020 (%)
I	Nộp ngân sách	Tr.đ	56.134	92.335	164,5	198,5
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	2.995.145	4.253.287	142,01	153,8
III	Tổng doanh thu	"	3.216.038	4.518.421	140,5	163,9
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	-981,372	6,251		
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	411.400	452.472	110,0	100,4
1	Urê	"	272.500	287.249	105,4	93,8
2	NH ₃ thương phẩm	"	80.000	92.525	115,7	110,5
3	Điện sản xuất	Mw.h	129.710	152.926	117,9	94,7
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	439.000	473.637	108,0	105,4
1	Urê	Tấn	300.000	313.033	104,3	103,3
2	NH ₃ thương phẩm	"	80.000	92.508	115,6	109,4

1.3. Phân tích hiệu quả SX-KD năm 2021

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2021 lãi 6,251 tỷ đồng, tăng lãi 987,5 tỷ đồng so với kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua và tăng lãi 1.471,8 tỷ đồng so với thực hiện năm 2020.

1.4. Những nỗ lực của Công ty trong việc giảm lỗ và đạt kết quả có lãi năm 2021

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2021 so với kế hoạch được 27,3 tỷ đồng.

- Hầu hết các vật tư/dịch vụ đều được mua theo hình thức đấu thầu trực tiếp/đấu thầu qua mạng hoặc báo giá cạnh tranh, góp phần giảm chi phí cho hoạt động SX-KD được 5 tỷ đồng.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Công ty đã có các giải pháp quyết liệt, đồng bộ, tổ chức điều hành hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ nên sản phẩm của Công ty sản xuất ra đến đâu bán hết đến đó và không xảy ra ách tắc. Tận dụng tốt cơ hội thị trường thuận lợi, Công ty có chính sách bán hàng phù hợp giá thị trường để đem lại hiệu quả cao nhất về trước mắt cũng như lâu dài.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

a) Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đức Ninh

+ Ngày sinh: 02 tháng 10 năm 1963

+ Số CMT: 120437977

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Thái Đào – Lạng Giang – Bắc Giang

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.

+ Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%.

b) Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Dũng

+ Ngày sinh: 12 tháng 02 năm 1968

+ Số CMT: 121007279

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4600 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần (từ 21/4/2018).

+ Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Trung

+ Ngày sinh: 12 tháng 12 năm 1967

+ Số CMT: 121464879

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Niêm Xá, Tỉnh Bắc Ninh

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B

+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4300 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần

+ Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

c) Kế toán trưởng – Ông Lê Anh Tuấn

+ Ngày sinh: 02 tháng 11 năm 1981

+ Số CMT: 122302865

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh và quản lý.

+ Trình độ lý luận chính trị: Đang học Trung cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Lao động ngày 01/01/2021: 1247 người

- Lao động đến ngày 31/12/2021: 1216 người

- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Lao động của Công ty được đào tạo tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Đến nay, lao động của Công ty đã làm chủ được công việc được phân công; định biên lao động được rà soát đưa về mức tối thiểu; thực hiện hợp nhất, sáp nhập để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Công ty có các quy chế, quy định đảm bảo các chế độ cho người lao động đúng quy định của pháp luật; năm 2021 bố trí đủ việc làm, đảm bảo tiền lương cho 100% CBCNV Công ty.

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

➤ Các khoản đầu tư lớn thực hiện trong năm: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

➤ Công ty con: Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 84.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh H₂O₂, kinh doanh phân bón phục vụ nông nghiệp, các loại hóa chất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

* Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	145.957	129.357
A. Tài sản ngắn hạn	33.533	27.202
B. Tài sản dài hạn	112.424	102.155
Tổng nguồn vốn	145.957	129.357
A. Nợ phải trả	45.685	33.544
B. Vốn chủ sở hữu	100.272	95.813
Trong đó: Vốn góp của CSH	84.000	84.000
LNST chưa phân phối	6.886	2.427

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Doanh thu thuần	74.256	66.186	-10,87
Lợi nhuận từ HĐKD	1.864	-3.728	
Lợi nhuận khác	0,3	27,5	9.007
Lợi nhuận trước thuế	1.864	-3.700	
Lợi nhuận sau thuế	1.588	-3.700	

➤ Công ty liên kết: Công ty cổ phần Khí hóa lỏng:

Trụ sở chính: Đường Phạm Liễu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp; Các bon điôxits (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO₂, Argon, Nitơ...; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản	49.165	42.287
Tài sản ngắn hạn	48.480	41.637
Tài sản dài hạn	685	650
Tổng nguồn vốn	40.472	42.287
Nợ phải trả	3.718	3.246
Vốn chủ sở hữu	45.448	39.041
Trong đó: Vốn góp của CSH	24.025	24.025
LNST chưa phân phối	19.557	13.151

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Doanh thu thuần	52.501	39.259	-25,22
Lợi nhuận từ HĐKD	22.753	15.304	-32,74
Lợi nhuận khác	0	0	
Lợi nhuận trước thuế	22.753	15.304	-32,74
Lợi nhuận sau thuế	19.557	13.151	-32,76

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ giai đoạn 2020 – 2021

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với 2020
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	8.516.941	7.945.050	-7%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.746.783	4.458.265	62%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.466.592	3.108	
4	Lợi nhuận khác	921	3.143	241%
5	Lợi nhuận trước thuế	-1.465.671	6.251	
6	Lợi nhuận sau thuế	-1.465.671	6.251	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2021 của HANICHEMCO

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2020 – 2021**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với 2020
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	8.620.531	8.029.263	-7%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.790.090	4.498.582	61%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.461.147	-2.545	
4	Lợi nhuận khác	921	3.170	244%
5	Lợi nhuận trước thuế	-1.460.226	625	
6	Lợi nhuận sau thuế	-1.460.502	625	
	<i>Trong đó:</i> <i>LNST của công ty mẹ</i>	-1.461.065	1.936	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán HN năm 2021 của HANICHEMCO

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
			2020	2021
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,16	0,16
	- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,06	0,08
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	%	124	126
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	%	-518	-491
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,47	9,59
	- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,32	0,56
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-53,36	0,14
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%		
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-6,85	0,08
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	-17,21	0,07

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 272.200.000 cổ phần

- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 272.038.000
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 162.000

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 28/3/2022 (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh Mục	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1.335	272.200.000	2.722.000.000.000	100
1. Cổ đông nhà nước	2	265.991.000	2.659.910.000.000	97,72
2. Cổ đông tổ chức không phải nhà nước	16	2.998.800	29.988.000.000	1,10
3. Cổ đông cá nhân	1.317	3.210.200	32.102.000.000	1,18
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2021

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2021	Ghi chú
1	Than cám 4B	tấn	0	
2	Than cám 5A	tấn	411.415.642	
3	Than cám 4A	tấn	404.717,189	
4	Dầu điều đốt lò	kg	102.592	
5	Nước tuần hoàn	m ³	368.377.042	
6	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	7.008.584	
7	Bao bì Urê 25 kg (Urê Hà Bắc N46TE)	bộ	807.840	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2021	Ghi chú
1	Tro bề lắng 467	tấn	0	0
2	Bã chua lò Shell	tấn	9.644,328	2,34%
3	Dầu thu hồi	lít	52.945	

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng lượng điện sử dụng năm 2021 là: 279.685.187 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2021 là: 27.33 tỷ đồng. trong đó tiết kiệm định mức than là 7,06 tỷ đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2021 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:

- Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ để tách lưới gửi ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.

- Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xưởng nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.

Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2021 là: 14.800.700 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 95,98%

6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2021, số lao động sử dụng bình quân của Công ty là: 1.221 người/tháng, tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động là 7.336.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN...; được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc, ...

- Công ty có phòng Y tế gồm 08 người, luôn thường trực 24/24h.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 1 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 2 lần/năm.

- Năm 2021, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại thành phố Bắc Giang và các khu Công nghiệp lân cận, để thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo nhân lực đáp ứng tốt việc chạy máy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD vừa đảm bảo phòng chống dịch, Công ty đã thực hiện huy động Người lao động làm việc, ăn, ở tại chỗ trong sản xuất (3 tại chỗ). Công ty đã thực hiện 03 đợt 3 tại chỗ năm 2021: đợt I từ ngày 21/5/2021 đến 24/6/2021; đợt II từ ngày 13/7/2021 đến 27/7/2021; đợt III từ ngày 20/8/2021 đến 03/9/2021.

Trong thời gian Người lao động thực hiện phương án sản xuất 3 tại chỗ, Công ty đã duy trì lực lượng lao động tối thiểu để đáp ứng nhu cầu SXKD vừa đảm bảo phòng chống dịch, không để dịch lây lan vào trong Công ty.

Vì vậy, do ảnh hưởng nhiều của đại dịch COVID-19 nhưng Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp vừa đảm bảo chủ động kiểm soát ngăn ngừa dịch bệnh vừa duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, liên tục, an toàn và hiệu quả.

Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn, đợt xuất 104.900.000 đồng cho 412 lượt người lao động; chi trợ giúp 40.000.000 đồng cho 67 lượt người lao động;

nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại lao động

	Tổng số giờ đào tạo trung bình/năm (giờ)	Theo tổng số nhân viên (giờ/người)	Theo phân loại lao động	
			Lao động gián tiếp (giờ/người)	Lao động trực tiếp (giờ/người)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	286.150	275	78	271

- Chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp

Là công ty sản xuất Phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hằng năm công ty lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc để được tăng lương;

- Đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất, linh hoạt trong bố trí sử dụng và đảm bảo cho người lao động có đủ việc làm.

- Cử người lao động đến các trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, Trường đại học có uy tín về công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiến thức cũng như chuyên môn để đáp ứng được điều kiện để tăng lương;

- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp với các chương trình như sau:

+ Hợp tác với Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp Bắc Giang mở 01 lớp sơ cấp nghề vận hành máy và thiết bị hóa chất cho người lao động mới tuyển dụng.

+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc, nâng lương cho người lao động

+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

+ Đào tạo thêm cường vị, đào tạo lại để bố trí sắp xếp lại lao động

6.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ người nghèo, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đặc điểm tình hình

- Dịch Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước từ cuối tháng 4, trong đó tỉnh Bắc Giang là tâm điểm của dịch trong tháng 5, tháng 6, gây ảnh hưởng chung tới đời sống kinh tế xã hội và tình hình SX-KD của các doanh nghiệp.

- Công ty đã làm chủ công nghệ thiết bị, tăng thời gian chạy máy, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, sản lượng sản phẩm quy đổi về Urê vượt mức kế hoạch năm và cao hơn so với năm 2020.

- Giá Urê và NH₃ thế giới liên tục tăng và duy trì ở mức cao so với thời điểm đầu năm. Công ty đã tận dụng tốt cơ hội, nỗ lực đẩy hàng ra thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, nâng cao hiệu quả, góp phần giảm lỗ so với Kế hoạch năm 2021 và thực hiện năm 2020.

- Công ty đã chủ động cân đối dòng tiền để đảm bảo duy trì hoạt động SX-KD và trả nợ gốc vay đầu tư sớm trước hạn, giảm chi phí lãi vay.

- Giá than thế giới tăng mạnh, giá bán than cám 4a.1 trong nước tăng 16% làm tăng giá thành sản xuất khoảng 310.000 đồng/tấn Urê làm giảm hiệu quả.

1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2021 lãi 6,251 tỷ đồng, tăng lãi 987,5 tỷ đồng so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua và tăng lãi 1.471,8 tỷ đồng so với thực hiện năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2021		
				Thực hiện	SSKH năm (%)	So sánh thực hiện năm 2020 (%)
I	Nộp ngân sách	Tr.đ	56.134	92.335	164,5	198,5
II	Giá trị SXCN (Giá TT)	"	2.995.145	4.253.287	142,01	153,8
III	Tổng doanh thu	"	3.216.038	4.518.421	140,5	163,9
IV	Hiệu quả SX-KD	Tỷ đồng	-981,372	6,251		
V	Sản lượng sản xuất					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	411.400	452.472	110,0	100,4
1	Urê	"	272.500	287.249	105,4	93,8
2	NH3 thương phẩm	"	80.000	92.525	115,7	110,5
3	Điện sản xuất	Mw.h	129.710	152.926	117,9	94,7
VI	Sản lượng tiêu thụ					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê	Tấn	439.000	473.637	108,0	105,4
1	Urê	Tấn	300.000	313.033	104,3	103,3
2	NH3 thương phẩm	"	80.000	92.508	115,6	109,4

2. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	8.516.941	7.945.050	-571.891	-6,71
- Tài sản ngắn hạn	895.920	1.039.297	143.377	16
- Tài sản dài hạn	7.621.021	6.905.753	-715.268	-9,39
Nguồn vốn	8.516.941	7.945.050	-571.891	-6,71
- Nợ phải trả	10.554.522	9.976.380	-578.142	5,48
- Vốn chủ sở hữu	-2.037.581	-2.031.330	6.251	0,31

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2021 so với kế hoạch được 27,3 tỷ đồng.

- Hầu hết các vật tư/dịch vụ đều được mua theo hình thức đấu thầu trực tiếp/đấu thầu qua mạng hoặc báo giá cạnh tranh, góp phần giảm chi phí cho hoạt động SX-KD được 5 tỷ đồng.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Công ty đã có các giải pháp quyết liệt, đồng bộ, tổ chức điều hành hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ nên sản phẩm của Công ty sản xuất ra đến đâu bán hết đến đó và không xảy ra ách tắc. Tận dụng tốt cơ hội thị trường thuận lợi, Công ty có chính sách bán hàng phù hợp giá thị trường để đem lại hiệu quả cao nhất về trước mắt cũng như lâu dài.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Mục tiêu chung năm 2022: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022 được giao.

Để hoàn thành mục tiêu chung năm 2022, cần tập trung triển khai vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

4.1 Công tác đầu tư

- Triển khai đầu tư hạng mục lò hơi 130 tấn/h xưởng Nhiệt.
- Triển khai đầu tư robot bốc xếp sản phẩm Urê xong trong năm 2022.

4.2 Về quản lý sản xuất, vật tư

- Tập trung cao trong công tác vận hành để ổn định sản xuất, tích cực kiểm tra tình hình vận hành của các thiết bị để phát hiện kịp thời các phát sinh.
- Chuẩn bị tốt một số hạng mục sửa chữa lớn như: Sửa chữa lò hơi 130 tấn/h xưởng Nhiệt, thay xúc tác biến đổi CO xưởng NH₃, trung tu máy nén không khí xưởng Tạo khí (dự kiến thời gian sửa chữa 40 ngày vào cuối năm 2022).
- Tiếp tục rà soát dây chuyền để phát hiện các nguy cơ gây ngừng máy, chuẩn bị vật tư, nhân lực để khắc phục khi có điều kiện.
- Phối hợp chặt chẽ với Công ty Điện lực Bắc Giang để có giải pháp hạn chế tối đa sự cố điện, đảm bảo an toàn hành lang điện lưới cấp cho Công ty, phương thức sản xuất của Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chủ động tìm kiếm các vật tư, phụ tùng đáp ứng kịp thời sản xuất trong điều kiện dịch Covid-19 chưa được kiểm soát.

4.3 Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Tập trung bám sát diễn biến thị trường trong nước và thế giới, có chính sách bán hàng linh hoạt để đảm bảo cơ cấu các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ Urê vào phân khúc làm nguyên liệu cho sản xuất, đặc biệt là nhu cầu Urê cho sản xuất keo dán gỗ, sản xuất phân bón hỗn hợp, xử lý khí thải động cơ diezen và xử lý môi trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ dòng sản phẩm Urê mới để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường và nâng cao hiệu quả.

- Duy trì cung cấp NH3 lỏng cho các khách hàng có nhu cầu lớn để giảm áp lực cho tiêu thụ Urê.

- Áp dụng hệ thống quản lý mã QR vào quản lý sản phẩm và hệ thống nhà phân phối.

4.4 Về công tác lao động, tiền lương

- Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Chủ động thực hiện các phương án bố trí lao động phù hợp, đáp ứng công tác phòng chống dịch và đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty.

- Nghiên cứu, bổ sung sửa đổi các quy chế trả lương, thưởng và các chế độ cho người lao động cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

- Rà soát, bố trí sắp xếp, tuyển dụng và đào tạo lao động tại các cương vị trong Công ty theo đúng kế hoạch đã được HĐQT Công ty phê duyệt.

4.5 Về công tác tài chính

- Bám sát và đề nghị Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận và phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty. Trong đó, đối với khoản vay dự án tại Ngân hàng phát triển Việt Nam: Kéo dài thời hạn vay từ 12 năm lên thành 30 năm; Khoanh nợ 03 năm; Điều chỉnh lãi suất phù hợp với thị trường hiện nay là 8,55%; Trả dần khoản nợ lãi quá hạn trong vòng 15 năm; Xóa lãi phạt chậm trả và dừng tính lãi phạt trên nợ lãi chậm trả.

- Làm việc với các Ngân hàng thương mại để giảm lãi suất cho vay dài hạn, gia hạn và cấp mới hạn mức tín dụng năm 2022 đối với hợp đồng vay vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện âm vốn chủ sở hữu.

- Quản lý chặt chẽ công tác chi tiêu tài chính, đảm bảo hợp lý không lãng phí và đúng với quy chế của Công ty.

4.6 Một số nhiệm vụ trọng tâm khác

- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại công ty con, công ty liên kết. Tiến hành chào bán cổ phiếu của Công ty tại Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc trong quý I/2022.

- Tiếp tục trao đổi với nhà thầu về những tồn tại, vướng mắc trong quyết toán Hợp đồng EPC theo hình thức linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của dịch Covid-19.

Năm 2022, hoạt động SX - KD của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức không ít hơn năm 2021, đặc biệt ảnh hưởng của dịch Covid-19. Vì vậy, Công ty cần kiên định, kiên trì tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch,

ngăn chặn và kiểm soát không để dịch bệnh lây lan vào Công ty nhằm đảm bảo nhân lực duy trì hệ thống sản xuất an toàn, hiệu quả, ổn định dài ngày; đồng thời quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra nhằm phấn đấu hoàn thành Kế hoạch SX-KD năm 2022.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Trên cơ sở Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc xin giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về tiến độ quyết toán dự án hoàn thành xong trong năm 2017, ngày 01/12/2017 Công ty đã hoàn thiện Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, trong đó hợp đồng EPC tự quyết toán.

Trong thời gian qua, Công ty vẫn tiếp tục phối hợp, đôn đốc Nhà thầu để hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên, đến nay hai bên chưa thống nhất một số nội dung vướng mắc. Do vậy, đến nay chưa quyết toán A-B hợp đồng EPC và chưa đủ cơ sở phê duyệt quyết toán dự án cũng như chưa xác nhận được với Nhà thầu các khoản công nợ liên quan.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Thị trường tiêu thụ hết sức khó khăn do nhu cầu phân bón suy giảm, các đơn vị sản xuất trong nước đua nhau giảm giá, bán hàng bằng mọi cách để có tiền duy trì sản xuất. Giá NH₃ và Urê thế giới giảm liên tục từ đầu năm, giá NH₃ có thời điểm thấp hơn giá Urê.

- Tình hình cung ứng than chưa được cải thiện, đặc biệt trong Quý I, có thời điểm phải giảm tải lò hơi để duy trì sản xuất. Độ ẩm luôn ở mức cao trên mức cho phép làm gia tăng định mức tiêu hao.

- Một số thiết bị đến chu kỳ sửa chữa, các hạng mục TOC và bảo hành chưa thể triển khai, sàng phân tử, xúc tác Mê tan hóa đến giai đoạn cuối chu kỳ sử dụng cần phải thay thế.

- Chi phí tài chính ngày càng lớn, Công ty hoạt động trong trạng thái âm vốn chủ sở hữu nên gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để duy trì sản xuất.

- Đội ngũ Cán bộ và Công nhân kỹ thuật đã làm chủ được công nghệ, thiết bị, xử lý tốt các tình huống phát sinh. Lao động vẫn trong tình trạng thiếu hụt, Công ty đã tổ chức nhiều đợt tuyển dụng nhưng vẫn không đủ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Năm 2021, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân

thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đề ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hàng năm, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.

- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.

- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3. Các kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

3.1. Dự báo tình hình năm 2022:

Thuận lợi:

- Thương hiệu và uy tín của “Đạm Hà Bắc” tiếp tục được bà con nông dân trong nước tin dùng, ủng hộ.

- Với hệ thống khách hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty sẽ góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

- Tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể lãnh đạo, quản lý và người lao động trong Công ty, cùng sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành, sự ủng hộ của quý cổ đông sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong năm 2022.

Khó khăn, thách thức:

Năm 2022, dự báo tình hình hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp khó lường ảnh hưởng đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

- Nguồn than khan hiếm và giá than tăng mạnh (do chiến tranh giữa Nga - Ukraine và ảnh hưởng từ các lệnh trừng phạt Nga) làm ảnh hưởng đến việc cung cấp than cho sản xuất và làm gia tăng chi phí.

- Vốn Chủ sở hữu của Công ty vẫn tiếp tục âm, dòng tiền cho sản xuất tiếp tục khó khăn.

- Do làn sóng chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào địa bàn dẫn đến sự cạnh tranh quyết liệt về nguồn nhân lực giữa các doanh nghiệp, tình trạng thiếu lao động ngày càng trầm trọng hơn do lao động hiện tại chuyển việc, lao động tuyển mới không đủ và không kịp đào tạo.

Đó là những khó khăn, thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty có thể tăng cường công tác quản trị tiết giảm chi phí giữ vững và củng cố thị trường góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.2 Định hướng phát triển năm 2022

Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2022
	1	2	3
1	Chỉ tiêu sản xuất chính		
-	Sản lượng SX Urê	tấn	250.150
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	90.000
2	Chỉ tiêu tiêu thụ		
-	Sản lượng TT Urê	tấn	260.000
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	90.000
3	Tổng doanh thu	triệu đồng	4.498.322
4	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	8.792

3.3. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2022

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục khắc phục những tồn tại, yếu kém theo nội dung kết luận của Thanh tra Chính phủ đã chỉ ra;

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc;

Tiếp tục làm việc với các ngân hàng và các Bộ ngành liên quan để cơ cấu lại phương án trả nợ vốn vay dài hạn và các cơ chế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ Urê nguyên liệu, Urê cao cấp và tiêu thụ NH₃ lỏng; tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính chất khác biệt nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và tăng hiệu quả kinh doanh;

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí, đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất;

Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động;

Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ	Chức danh thành viên HĐQT Công ty liên kết
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	- Chủ tịch HĐQT		
2	Ông Nguyễn Đức Ninh	- Thành viên HĐQT, - Tổng Giám đốc	0,0021%	
3	Ông Phạm Văn Trung	- Thành viên HĐQT, - Phó Tổng Giám đốc	0,0016%	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khí hóa lỏng Hà Bắc
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	- Thành viên HĐQT, - Phó Tổng Giám đốc	0,0016%	
5	Ông Nguyễn Phùng Hưng	- Thành viên HĐQT, - Trưởng phòng TCNS	0,0016%	

Ghi chú: - Các thành viên 1 đến 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Thành viên mục 1 và mục 5: Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 13 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị 17 lần; ban hành 12 nghị quyết, 39 quyết định để điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn thách thức, như:

- Dịch Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước từ cuối tháng 4, trong đó tỉnh Bắc Giang là tâm điểm của dịch trong tháng 5, tháng 6, gây ảnh hưởng chung tới đời sống kinh tế xã hội và tình hình SX-KD của các doanh nghiệp.

- Hệ thống điện lưới không ổn định ảnh hưởng đến phương thức sản xuất và khả năng chạy máy của Công ty.

- Giá than trên thế giới và trong nước tăng mạnh, giá bán than cám 4a.1 trong nước tăng 16% làm tăng giá thành sản xuất khoảng 310.000 đồng/tấn Urê.

- Tình hình tài chính tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí tài chính, đặc biệt là lãi phạt quá hạn tăng cao; Công ty vẫn hoạt động trong tình trạng âm vốn chủ sở hữu.

- Sản xuất vẫn trong tình trạng thiếu lao động, nhiều cương vị phải huy động thêm giờ, số lao động tuyển mới không đủ để bổ sung cho các đơn vị sản xuất.

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước

vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra, cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHĐCĐ năm 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
	1	2	3	3	3
1	Chỉ tiêu sản xuất chính				
-	Sản lượng SX Urê	tấn	272.500	287.249	105,4
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	80.000	92.525	115,7
2	Chỉ tiêu tiêu thụ				
-	Sản lượng SX Urê	tấn	300.000	313.033	104,3
-	Sản lượng NH ₃ TP	tấn	80.000	92.508	115,6
3	Tổng doanh thu	triệu đồng	3.216.038	4.518.421	140,5
4	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	-981.372	6.251	

Năm 2021, tình hình SXKD của Công ty đã được cải thiện, các chỉ tiêu SXKD đều vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao, đặc biệt chỉ tiêu doanh thu vượt 40% so với kế hoạch và Công ty bắt đầu có lãi.

Tuy nhiên, do Công ty còn lỗ lũy kế nên Hội đồng quản trị không trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận.

b) Trong lĩnh vực tài chính:

- Tình hình quản lý tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 7.945 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.039 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 6.906 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải thu: Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2021 là 948,2 tỷ đồng (trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 207,4 tỷ đồng; nợ phải thu dài hạn là 740,8 tỷ đồng).

+ Đối với nợ phải thu ngắn hạn đáng lưu ý là khoản nợ phải thu đối với Công ty Ngũ hoàn là 54 tỷ đồng liên quan đến dự án Cải tạo mở rộng nhà máy đạm do chưa quyết toán A-B nên Công ty chưa thu được khoản công nợ trên.

+ Đối với khoản phải thu dài hạn đáng lưu ý là khoản nợ phải thu đối với Công ty Ngũ hoàn là 740,8 tỷ đồng do Công ty tự lập quyết toán hợp đồng EPC

theo khoản 8 Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016. Tuy nhiên đến nay Nhà thầu Ngũ Hoàn chưa đồng ý.

+ Trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng là: 5,34 tỷ đồng, Đó là hai khoản nợ phát sinh đối với Công ty Constrexim - Mecos là 5,2 tỷ đồng và UBND phường Trần Nguyên Hãn là 0,134 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2021 là 9.976,4 tỷ đồng (trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 6.688,2 tỷ đồng; nợ phải trả dài hạn là 3.288,2 tỷ đồng). Đối với nợ phải trả ngắn hạn đáng lưu ý là khoản phải trả lãi cho Ngân hàng phát triển Việt Nam là 3.358,7 tỷ đồng, khoản nợ gốc quá hạn chưa trả là 1.590,8 tỷ đồng.

- Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021 còn nhiều khó khăn, hệ số thanh toán nợ rất thấp.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm 31/12/2021, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là âm 4,91 lần (do Vốn chủ sở hữu âm).

Hội đồng quản trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định để quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, như: quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế mua vật tư... qua đó đã hạn chế và cắt giảm những chi phí không hợp lý.

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng, hàng năm đều được công bố thông tin theo đúng quy định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

c) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Do nguồn vốn vẫn còn khó khăn và tình hình dịch bệnh Covid -19 trong tỉnh Bắc Giang diễn biến hết sức phức tạp, để chủ động và đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu kép vừa duy trì sản xuất vừa đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19, Công ty chỉ triển khai thực hiện hạng mục chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch ĐTXD thực sự cần thiết, cấp bách phục vụ sản xuất.

Ngoài ra Công ty tiếp tục tập trung vào việc giải quyết những tồn tại của Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc; Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

d) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy quản lý:

- Về công tác quản trị nội bộ: các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định sau đây:

- + Quy chế thưởng phạt định mức;
- + Quy chế mua vật tư;
- + Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- + Quy định mức dự trữ tồn kho vật tư hàng năm;
- + Quy chế bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại các cương vị trong Công ty;
- + Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý: trong năm 2021, bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Kết quả cụ thể:

- + Quyết định thành lập phòng Kỹ thuật Công nghệ - An toàn - Môi trường;
- + Quyết định thành lập Xưởng Urê;
- + Quyết định thành lập Xưởng Thành phẩm;
- + Quyết định V/v thành lập Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
- + Quyết định V/v thành lập Phòng Kỹ thuật sản xuất (trên cơ sở hợp nhất phòng KTCN-AT-MT và phòng ĐDSX);
- + Quyết định V/v thành lập Phòng Cơ khí và Xây dựng;
- + Quyết định V/v giải thể Phòng Đầu tư - Xây dựng;

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty đã thực hiện tốt trong công tác phối hợp sắp xếp, kiện toàn bộ máy đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực.

đ) Trong lĩnh vực tổ chức cán bộ, chính sách tiền lương:

- Về công tác tổ chức cán bộ: Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến công tác cán bộ theo thẩm quyền; trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy chế bổ nhiệm cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành, cụ thể như sau:

+ Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026;

+ Chấp thuận điều động, bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị trong Công ty sau khi hợp nhất các đơn vị.

+ Quyết định thôi cử và Quyết định cử Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

- Về chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung thang bảng lương Công ty làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và giữ chân người lao động.

e) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Công tác quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được chú trọng. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác; cử, ủy quyền người đại diện phần vốn của Công ty tham gia Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty để thay mặt Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông góp vốn.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo Quy chế quản lý người đại diện. Thông qua báo cáo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết và chỉ đạo cho người đại diện hướng các Công ty đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Năm 2021, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

f) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể: năm 2021, Hội đồng quản trị đã quyết định nội dung được ủy quyền sau:

Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến bằng văn bản và cùng thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ trong từng lĩnh vực được phân công.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty được đào tạo lớp Giám đốc Doanh nghiệp ngành Hóa chất; các lớp nghiệp vụ do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Xuân Hán Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách	4.900	0	4.900	0,0018
2	Đặng Thị Minh Lý Ủy viên kiêm nhiệm	0	0	0	0
3	Lê Anh Tuấn Ủy viên kiêm nhiệm	3.000	0	3.000	0,0011
	Tổng cộng	7.900	0	7.900	0,0029

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung được Hội đồng quản trị đề cập trong chương trình hội nghị. Đồng thời Ban kiểm soát đã cử thành viên tham gia và đóng góp ý kiến đối với các cuộc họp của Công ty khi có yêu cầu. Nhìn chung Ban kiểm soát đã bám sát các hoạt động của Công ty góp phần đảm bảo hoạt động của tuân thủ pháp luật và mang lại hiệu quả thiết thực.

Trong năm Ban kiểm soát ngoài hoạt động kiểm soát thường xuyên đã tiến hành làm việc tập trung 02 đợt mỗi đợt từ 2 đến 3 ngày để tập trung giải quyết các công việc trọng tâm: Kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2021 và thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021; kiểm soát hoạt động và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021; thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Kết quả các Báo cáo đã được trình Hội đồng quản trị của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
1. Thù lao Hội đồng quản trị; lương Ban TGD, CBQL						
1	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT		48		48
2	Nguyễn Đức Ninh	TVHĐQT, Tổng Giám đốc	355,68	36		391,68

3	Phạm Văn Trung	TV.HĐQT, Phó TGĐ	335,52	80,4		415,9
4	Nguyễn Văn Dũng	TV.HĐQT, Phó TGĐ	335,52	36		371,5
5	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	289,44			289,44
6	Nguyễn Phùng Hưng	TV.HĐQT - TP. TCNS	267,5	36		303,5
2. Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát						
1	Hà Xuân Hán	Trưởng ban Kiểm soát	335,52			335,52
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	TV. Ban KS (từ T1- T4/2021); CV Ban Tài chính TĐHCVN		12		12
3	Đặng Thị Minh Lý	TV. Ban KS (từ T5- T12/2021); CV Ban Pháp chế TĐHCVN		24		24
4	Lê Anh Tuấn	TV Ban KS; PP.KTSX	232,49	68,4		300,9

* Thù lao trên bao gồm: Thù lao các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và thù lao đối với Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại các doanh nghiệp khác.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán


TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Ninh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



DẠM HÀ BẮC

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2021**

C.P.*S.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

MỤC LỤC

-----oOo-----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 9 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH₃, CO₂, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HANICHEMCO.

Mã chứng khoán: DHB.

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Đức Ninh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Trung	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Hà Xuân Hán	Trưởng ban
Bà	Đặng Thị Minh Lý	Thành viên
Ông	Lê Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Các thông tin khác

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Ông Nguyễn Đức Ninh Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM (“AISC”) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc



Số: B0621038-HN/AISHN-TC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 khi chưa có đầy đủ quyết toán A-B các gói thầu 10, 14, 8 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng với các nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền. Dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.13; V.16 và VIII.1)

Với các bằng chứng đã thu thập được và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 5.632.083.948.992 đồng, lỗ lũy kế 4.745.564.333.744 đồng dẫn đến vốn góp của chủ sở hữu âm 1.977.529.546.530 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

Tại thuyết minh V.10, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.

Tại thuyết minh IV.9, V.8, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

Tại ngày 25/01/2022, Công ty đã ban hành Thông báo số 139/ĐHB-KTTC về việc bán đấu giá 5.423.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã được thông qua tại quyết định số 78/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc về việc "Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc".

Tp. HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ
TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



PHẠM XUÂN SON

*Số giấy CNDKHNKT: 1450-2019-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

*Số giấy CNDKHNKT: 4945-2019-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.063.367.491.340	927.173.829.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	301.435.959.757	221.320.856.530
1. Tiền	111		279.641.919.394	199.721.127.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.794.040.363	21.599.728.632
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	18.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.502.680.616	158.140.566.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	156.457.624.412	126.470.633.753
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38.898.900.238	15.179.116.975
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.490.493.028	21.835.152.437
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.344.337.062)	(5.344.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	526.784.187.160	533.315.895.917
1. Hàng tồn kho	141		526.784.187.160	533.315.895.917
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.644.663.807	6.396.510.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.108.221.954	6.010.509.393
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		217.736.019	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	318.705.834	386.001.366
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.965.895.427.860	7.693.357.538.890
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		5.231.248.151.780	5.787.231.820.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	5.227.424.608.045	5.782.114.047.242
- Nguyên giá	222		10.014.593.895.693	10.016.561.992.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.787.169.287.648)	(4.234.447.944.885)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.823.543.735	5.117.773.267
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.403.067.558)	(8.108.838.026)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	71.312.793.029	71.418.784.594
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71.279.240.489	71.385.232.054
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	15.861.640.065	17.787.190.069
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.861.640.065	17.787.190.069
V. Tài sản dài hạn khác	260		906.668.825.023	1.076.115.725.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	906.668.825.023	1.076.115.725.755
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.029.262.919.200	8.620.531.368.199

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.006.792.465.730	10.597.927.499.003
I. Nợ ngắn hạn	310		6.695.451.440.332	5.735.276.439.433
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	327.865.781.721	431.612.016.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	103.775.132.913	67.044.878.654
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	11.337.989.744	9.868.209.799
4. Phải trả người lao động	314		21.857.650.564	12.187.363.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	4.891.521.865	2.279.072.989
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	3.428.235.598.504	2.664.468.433.920
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2.795.630.510.289	2.545.871.470.766
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.857.254.732	1.944.993.832
II. Nợ dài hạn	330		3.311.341.025.398	4.862.651.059.570
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	72.262.576.149	99.263.023.572
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	3.239.078.449.249	4.763.388.035.998
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.977.529.546.530)	(1.977.396.130.804)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(1.977.529.546.530)	(1.977.396.130.804)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		6.018.633.885	6.018.633.885
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.059.551.063	6.059.551.063
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.745.564.333.744)	(4.747.011.160.298)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.747.500.991.159)	(3.285.946.095.423)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.956.602.266	35.536.844.546
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.029.262.919.200	8.620.531.368.199

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.498.581.705.064	2.790.099.907.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	9.543.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	4.498.581.705.064	2.790.090.363.889
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.309.092.886.232	3.084.882.435.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.189.488.818.832	(294.792.071.335)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	35.943.825.567	7.664.946.861
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	980.257.601.888	951.424.879.154
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		979.021.917.689	950.576.761.102
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.925.550.004)	3.580.824.126
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	112.838.877.880	98.487.434.760
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	132.955.643.271	127.688.710.566
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.545.028.644)	(1.461.147.324.828)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	4.606.132.125	3.585.856.700
13. Chi phí khác	32	VI.10	1.435.791.707	2.664.629.006
14. Lợi nhuận khác	40		3.170.340.418	921.227.694
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		625.311.774	(1.460.226.097.134)
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.12	0	276.118.190
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		625.311.774	(1.460.502.215.324)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.311.345.641)	562.849.551
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7,11	(5.367,62)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		7,11	(5.367,62)

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		625.311.774	(1.460.226.097.134)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	697.481.812.765	756.731.373.634
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.051.007.161	(1.817.837.466)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.466.378.461)	(8.667.042.270)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	979.021.917.689	950.576.761.102
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.693.713.670.928	236.597.157.866
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(56.303.664.264)	5.550.723.107
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		6.531.708.757	(38.084.146.389)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(111.031.300.500)	175.571.564.445
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		25.997.172.094	38.466.233.879
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(178.738.620.592)	(204.842.878.031)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		0	(1.681.366.568)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(802.091.600)	(1.510.403.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.379.366.874.823	210.066.885.309
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22		110.100.001	0
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	0
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.849.159.600	5.162.914.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.040.740.399)	5.162.914.242

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.437.408.299.661	1.145.200.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.734.548.643.008)	(1.321.506.818.341)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.179.451.800)	(182.303.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.298.319.795.147)	(176.489.122.141)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		80.006.339.277	38.740.677.410
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		221.320.856.530	182.590.074.882
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>108.763.950</i>	<i>(9.895.762)</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		301.435.959.757	221.320.856.530

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Bắc Giang ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

4.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp:

4.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	36,00%	36,00%	36,00%

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	64,56%	64,56%	64,56%

Danh sách các Công ty con không được hợp nhất: Không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) của hoạt động kinh doanh được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi mở tài khoản.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

5.1 Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động quản lý dự án được trình bày theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 về việc “Hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;
 - Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.
- Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được gán vào chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tạo ra tài sản trong doanh nghiệp được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản,...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được gán,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được gán phân bổ 2 năm (đối với các tài sản có thời gian sử dụng nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (đối với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay, chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyên đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập chung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	279.641.919.394	199.721.127.898
Tiền mặt	3.108.039.969	3.302.769.117
Tiền gửi ngân hàng	276.533.879.425	196.418.358.781
Các khoản tương đương tiền	21.794.040.363	21.599.728.632
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	21.794.040.363	21.599.728.632
Cộng	301.435.959.757	221.320.856.530

(*): Tại ngày 31/12/2021, số dư các khoản tương đương tiền bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 3%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng có giá trị 6.794.040.363 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 3%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	18.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	18.000.000.000	8.000.000.000

(*): Đây là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất lần lượt là 3,7%/năm và 4,9%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

b. Dài hạn

- Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	9.662.812.368	15.861.640.065	9.662.812.368	17.787.190.069
Cộng	9.662.812.368	15.861.640.065	9.662.812.368	17.787.190.069

Tại thời điểm 31/12/2021, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc là 36,00%, tương ứng tỷ lệ biểu quyết 36,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	156.457.624.412	0	126.470.633.753	0
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	27.168.362.000	0	27.193.914.000	0
Công ty Cổ phần Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - Văn phòng điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
Khách hàng khác	75.204.479.052	0	45.191.936.393	0
Cộng	156.457.624.412	0	126.470.633.753	0
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	16.004.788.800	0	19.521.583.400	0
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.752.714.832	0	1.960.731.234	0
Cộng	17.757.503.632	0	21.482.314.634	0

(*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng của công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	38.898.900.238	0	15.179.116.975	0
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	19.753.637.541	0	10.752.321.397	0
MAN Energy Solutions Malaysia ES Sdn Bhd	12.311.891.508	0	0	0
Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hòa Tấn Nam Ninh Trung Quốc	4.448.580.719	0	3.182.002.474	0
Trả trước cho người bán khác	2.384.790.470	0	1.244.793.104	0
Cộng	38.898.900.238	0	15.179.116.975	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.490.493.028	(5.344.337.062)	21.835.152.437	(5.344.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390, 395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	0	0	2.000.000.000	0
Phải thu khác	7.924.072.721	(134.000.000)	7.268.732.130	(134.000.000)
Cộng	20.490.493.028	(5.344.337.062)	21.835.152.437	(5.344.337.062)
b. Dài hạn				
Phải thu nhà thầu EPC gói 8 - Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Cộng	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0

(*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.10)

6. Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội	5.210.337.062	0	5.210.337.062	0
UBND Phường Trần Nguyên Hãn	134.000.000	0	134.000.000	0
Cộng	5.344.337.062	0	5.344.337.062	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	455.819.873.488	0	282.050.400.458	0
Công cụ, dụng cụ	563.486.734	0	578.090.027	0
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.395.833.920	0	12.813.555.687	0
Thành phẩm	57.004.993.018	0	237.873.849.745	0
Cộng	526.784.187.160	0	533.315.895.917	0

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	6.108.221.954	6.010.509.393
Chi phí bảo hiểm	4.346.113.471	4.818.209.764
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.762.108.483	1.192.299.629
b. Dài hạn	906.668.825.023	1.076.115.725.755
Chi phí sửa chữa lớn	41.025.391.774	45.298.702.988
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	75.341.400.113	94.176.750.142
Tiền thuê đất (*)	57.306.706.257	59.160.578.298
Khấu hao TSCĐ được giảm theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	732.531.611.157	874.029.755.193
Chi phí trả trước dài hạn khác	463.715.722	3.449.939.134
Cộng (a+b)	912.777.046.977	1.082.126.235.148

(*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang, 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 đồng. Tại thời điểm 31/12/2021, số tiền GPMB được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 57.306.706.257 đồng.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
a. Phải nộp				
Thuế GTGT	9.032.199.360	68.442.862.605	67.115.428.260	10.359.633.705
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	3.756.468.597	3.756.468.597	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	3.626.158.514	3.626.158.514	0
Thuế TNCN	7.058.939	278.358.213	241.967.613	43.449.539
Thuế tài nguyên	102.978.000	1.327.563.000	1.317.195.000	113.346.000
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	725.973.500	7.500.946.440	7.405.359.440	821.560.500
Cộng	9.868.209.799	81.175.888.772	79.706.108.827	11.337.989.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
b. Phải thu	386.001.366	67.295.532	0	318.705.834
Thuế TNDN	73.881.810	0	0	73.881.810
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	312.119.556	67.295.532	0	244.824.024
Cộng	386.001.366	67.295.532	0	318.705.834

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương

thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***10. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá (*)					
Số dư đầu năm	2.057.039.914.438	7.926.878.741.760	32.441.526.838	201.809.091	10.016.561.992.127
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.968.096.434)	0	(1.968.096.434)
Số dư cuối năm	2.057.039.914.438	7.926.878.741.760	30.473.430.404	201.809.091	10.014.593.895.693
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	719.381.711.153	3.486.711.918.984	28.168.357.309	185.957.439	4.234.447.944.885
Khấu hao trong năm	70.122.796.500	483.893.586.373	666.715.992	6.340.332	554.689.439.197
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.968.096.434)	0	(1.968.096.434)
Số dư cuối năm	789.504.507.653	3.970.605.505.357	26.866.976.867	192.297.771	4.787.169.287.648
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.337.658.203.285	4.440.166.822.776	4.273.169.529	15.851.652	5.782.114.047.242
Số dư cuối năm	1.267.535.406.785	3.956.273.236.403	3.606.453.537	9.511.320	5.227.424.608.045

(*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 đồng. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 đồng nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 đồng và tạm trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty tạm ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành từ cấp có thẩm quyền.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.223.932.862.444 đồng
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 940.498.299.723 đồng
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không sử dụng chờ thanh lý: 0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8.108.838.026	8.108.838.026
Khấu hao trong năm	1.294.229.532	1.294.229.532
Số dư cuối năm	9.403.067.558	9.403.067.558
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	5.117.773.267	5.117.773.267
Số dư cuối năm	3.823.543.735	3.823.543.735

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.872.775.000 đồng.

12. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	33.552.540	33.552.540
Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	33.552.540
b. Xây dựng cơ bản dở dang	71.279.240.489	71.385.232.054
Dự án tái định cư (*)	70.873.660.448	71.385.232.054
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	405.580.041	0
Cộng (a+b)	71.312.793.029	71.418.784.594

(*) Dự án được đầu tư bởi Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với tổng mức đầu tư 87 tỷ đồng tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Mục đích của dự án là tái định cư cho người dân nằm trong dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn chờ quyết toán.

13. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	327.865.781.721	327.865.781.721	431.612.016.145	431.612.016.145
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	212.749.188.713	212.749.188.713	214.317.429.703	214.317.429.703
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	68.420.359.765	68.420.359.765	70.430.156.920	70.430.156.920
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan Dự án Cải tạo mở rộng Nhà máy đạm	4.048.922.302	4.048.922.302	6.749.464.777	6.749.464.777
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	304.920.000	304.920.000	1.424.350.400	1.424.350.400
Công ty CP Than Sông Hồng	6.029.474.385	6.029.474.385	60.341.057.964	60.341.057.964
Các nhà cung cấp khác	36.312.916.556	36.312.916.556	78.349.556.381	78.349.556.381
Cộng	327.865.781.721	327.865.781.721	431.612.016.145	431.612.016.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Phải trả người bán (tiếp theo)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	0	0	1.797.767.400	1.797.767.400
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	304.920.000	304.920.000	1.424.350.400	1.424.350.400
Cộng	304.920.000	304.920.000	3.222.117.800	3.222.117.800

(*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn		
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	70.662.469.280	0
Công ty CP Thương mại và Tổng hợp Toan Vân	11.049.850.000	53.550.000
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Tú	1.627.800.000	16.871.423.365
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Thanh Sơn	697.500.000	11.045.272.915
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	329.027.000	12.426.020.000
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	0	17.500.400.000
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	0	1.400.000
Các đối tượng khác	19.408.486.633	9.146.812.374
Cộng	103.775.132.913	67.044.878.654
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	329.027.000	12.426.020.000
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	0	1.400.000
Cộng	329.027.000	12.427.420.000

15. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.510.343.555	1.953.510.189
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển	582.762.000	81.054.000
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản	2.433.190.310	0
Các khoản trích trước khác	365.226.000	244.508.800
Cộng	4.891.521.865	2.279.072.989

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	3.428.235.598.504	2.664.468.433.920
Kinh phí công đoàn	581.463.233	1.014.922.665
Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
Nhận cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	0	84.750.000
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang	3.358.761.293.542	2.557.540.010.306
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0	45.000.000.000
Vật tư đã nhập kho chưa thanh toán	28.616.902.573	16.513.821.897
Phải trả chi phí dự án tái định cư (*)	1.911.956.217	1.911.956.217
Các khoản phải trả liên quan phần tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.212.210.036	7.251.199.932
b. Dài hạn	72.262.576.149	99.263.023.572
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.452.776.149	32.453.223.572
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (*)	66.809.800.000	66.809.800.000
Cộng (a+b)	3.500.498.174.653	2.763.731.457.492
c. Phải trả khác là bên liên quan		
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0	45.000.000.000
Cộng	0	45.000.000.000

(*): Thu tiền để thực hiện công trình cho công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc;
- Nguồn thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chi tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 70,9 tỷ đồng; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ đồng. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN /HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.795.630.510.289	2.795.630.510.289	2.923.233.417.839	2.673.474.378.316	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	<i>2.795.630.510.289</i>	<i>2.795.630.510.289</i>	<i>2.923.233.417.839</i>	<i>2.673.474.378.316</i>	<i>2.545.871.470.766</i>	<i>2.545.871.470.766</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	369.711.648.239	369.711.648.239	1.434.002.437.611	1.292.590.789.372	228.300.000.000	228.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.425.918.862.050	2.425.918.862.050	1.489.230.980.228	1.380.883.588.944	2.317.571.470.766	2.317.571.470.766
Cộng	2.795.630.510.289	2.795.630.510.289	2.923.233.417.839	2.673.474.378.316	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766
b. Vay dài hạn	3.239.078.449.249	3.239.078.449.249	(1.489.230.980.228)	35.078.606.521	4.763.388.035.998	4.763.388.035.998
<i>Vay ngân hàng dài hạn</i>	<i>3.239.065.959.249</i>	<i>3.239.065.959.249</i>	<i>(1.489.230.980.228)</i>	<i>35.078.606.521</i>	<i>4.763.375.545.998</i>	<i>4.763.375.545.998</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)	2.145.535.326.826	2.145.535.326.826	0	539.889.547.268	2.685.424.874.094	2.685.424.874.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)	450.996.701.618	450.996.701.618	0	143.099.766.497	594.096.468.115	594.096.468.115
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)	3.041.887.000.000	3.041.887.000.000	0	722.381.000.000	3.764.268.000.000	3.764.268.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)	13.047.599.775	13.047.599.775	0	5.151.684.320	18.199.284.095	18.199.284.095
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (6)	13.518.193.080	13.518.193.080	0	5.440.197.380	18.958.390.460	18.958.390.460
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.425.918.862.050)	(2.425.918.862.050)	(1.489.230.980.228)	(1.380.883.588.944)	(2.317.571.470.766)	(2.317.571.470.766)
Vay cá nhân dài hạn	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Vay cán bộ nhân viên	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Cộng (a+b)	6.034.708.959.538	6.034.708.959.538	1.434.002.437.611	2.708.552.984.837	7.309.259.506.764	7.309.259.506.764

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮCĐịa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN /HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 31/12/2021	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)						
Hợp đồng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019	Từ 11/11/2019 đến 31/8/2020	5,9%/năm	380.000.000.000	369.711.648.239	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang và công nợ phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)						
Hợp đồng tín dụng số 01.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	4,5%/năm	192 triệu USD	93.101.988,58 USD 2.145.535.326.826	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)						
Hợp đồng tín dụng số 02.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	4,5%/năm	30 triệu USD	19.570.262,6 USD 450.996.701.618	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)						
Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 11/9/2008	Đến năm 2023	Lãi suất bình quân 10,78%/năm	4.125.000.000.000	3.041.887.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)						
Hợp đồng tín dụng số 0001-018- 01/HĐTD ngày 15/7/2010	26/9/2024	7%/năm	1.503.879 USD	566.671 USD 13.047.599.775	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (6)						
Hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/7/2010	26/9/2024	6,5%/năm	1.610.924 USD	741.029 USD 13.518.193.080	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VND</i>						

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	5.481.025.479	(3.284.320.632.573)	35.548.719.729	(515.272.253.480)
Lợi nhuận trong năm	0	0	0	(1.461.065.064.875)	562.849.551	(1.460.502.215.324)
Phân phối lợi nhuận	0	0	578.525.584	(1.625.462.850)	(574.724.734)	(1.621.662.000)
Số dư cuối năm trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(4.747.011.160.298)	35.536.844.546	(1.977.396.130.804)
Số dư đầu năm này	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(4.747.011.160.298)	35.536.844.546	(1.977.396.130.804)
Lợi nhuận trong năm	0	0	0	1.936.657.415	(1.311.345.641)	625.311.774
Phân phối lợi nhuận (*)	0	0	0	(489.830.861)	(268.896.639)	(758.727.500)
Số dư cuối năm nay	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(4.745.564.333.744)	33.956.602.266	(1.977.529.546.530)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 110/HQĐHĐCĐ-HPCO ngày 24/4/2021, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Nội dung	Số tiền
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	714.352.500
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	44.375.000
Tổng lợi nhuận đã phân phối	758.727.500
Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	268.896.639
Tổng lợi nhuận đã phân phối sau điều chỉnh lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	489.830.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
Cộng	100,00%	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	6.059.551.063	6.059.551.063
Cộng	6.059.551.063	6.059.551.063

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bổ sung vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty mẹ ký các hợp đồng thuê đất tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến 2058. Diện tích khu đất thuê là 85,51811 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	74.940,14	74.940,14
Cộng	74.940,14	74.940,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	4.498.581.705.064	2.790.099.907.239
Cộng	4.498.581.705.064	2.790.099.907.239

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Giảm giá hàng bán	0	9.543.350
Cộng	0	9.543.350

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	4.498.581.705.064	2.790.090.363.889
Cộng	4.498.581.705.064	2.790.090.363.889

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	3.309.092.886.232	3.084.882.435.224
Cộng	3.309.092.886.232	3.084.882.435.224

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.383.152.264	1.626.594.144
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.659.776.200	3.459.624.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.203.797.442	737.744.251
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	24.697.099.661	1.817.837.466
Chiết khấu thanh toán	0	23.147.000
Cộng	35.943.825.567	7.664.946.861

6. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền vay	979.021.917.689	950.576.761.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	661.245.699	848.118.052
Chiết khấu thanh toán	574.438.500	0
Cộng	980.257.601.888	951.424.879.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên	347.841.856	320.614.217
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.248.557.489	406.669.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài (vận chuyển, quảng cáo...)	111.242.478.535	96.993.861.902
Chi phí bằng tiền khác	0	766.289.400
Cộng	112.838.877.880	98.487.434.760

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên	39.869.425.184	34.918.793.796
Chi phí vật liệu quản lý	4.003.045.697	2.841.141.901
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.351.041.833	35.184.476.908
Thuế, phí, lệ phí	6.785.161.295	8.483.484.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.158.346.183	4.189.285.458
Chi phí bằng tiền khác	51.788.623.079	42.071.528.236
Cộng	132.955.643.271	127.688.710.566

9. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi chậm trả tiền hàng	1.816.471.036	2.585.190.263
Thu tiền cho thuê tài sản	213.522.726	712.658.139
Thu từ thanh lý tài sản	349.000.001	0
Thu nhập khác	2.227.138.362	288.008.298
Cộng	4.606.132.125	3.585.856.700

10. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.320.235.801	2.356.963.236
Các khoản khác	115.555.906	307.665.770
Cộng	1.435.791.707	2.664.629.006

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.791.341.921.070	1.850.909.139.475
Chi phí nhân công	177.299.951.517	177.279.005.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696.161.576.964	754.374.410.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.985.772.915	321.476.940.573
Chi phí khác bằng tiền khác	328.758.116.926	248.524.841.999
Cộng	3.330.547.339.392	3.352.564.338.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	276.118.190
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ</i>	0	0
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con</i>	0	276.118.190
2. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	0	276.118.190

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7,11	(5.367,62)

14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.936.657.415	(1.461.065.064.875)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7,11	(5.367,62)

15. Công cụ tài chính

Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

15.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

15.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	2.795.630.510.289	3.239.078.449.249	6.034.708.959.538
Phải trả người bán	327.865.781.721	0	327.865.781.721
Phải trả ngắn hạn khác	69.769.007.993	0	69.769.007.993
Chi phí phải trả	4.891.521.865	0	4.891.521.865
Phải trả dài hạn khác	0	5.452.776.149	5.452.776.149
Cộng	3.198.156.821.868	3.244.531.225.398	6.442.688.047.266
Tại ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	2.545.871.470.766	4.763.388.035.998	7.309.259.506.764
Phải trả người bán	431.612.016.145	0	431.612.016.145
Phải trả ngắn hạn khác	96.335.995.984	0	96.335.995.984
Chi phí phải trả	2.279.072.989	0	2.279.072.989
Phải trả dài hạn khác	0	32.453.223.572	32.453.223.572
Cộng	3.076.098.555.884	4.795.841.259.570	7.871.939.815.454

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản công nợ đáo hạn vòng 12 tháng.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		01/01/2021		31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	301.435.959.757	0	221.320.856.530	0	301.435.959.757	221.320.856.530
- Phải thu khách hàng	156.457.624.412	0	126.470.633.753	0	156.457.624.412	126.470.633.753
- Phải thu khác	761.294.510.991	(5.344.337.062)	760.716.323.840	(5.344.337.062)	755.950.173.929	755.371.986.778
TỔNG CỘNG	1.219.188.095.160	(5.344.337.062)	1.108.507.814.123	(5.344.337.062)	1.213.843.758.098	1.103.163.477.061
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	6.034.708.959.538	0	7.309.259.506.764	0	6.034.708.959.538	7.309.259.506.764
- Phải trả người bán	327.865.781.721	0	431.612.016.145	0	327.865.781.721	431.612.016.145
- Phải trả ngắn hạn khác	69.769.007.993	0	96.335.995.984	0	69.769.007.993	96.335.995.984
- Chi phí phải trả	4.891.521.865	0	2.279.072.989	0	4.891.521.865	2.279.072.989
- Phải trả dài hạn khác	5.452.776.149	0	32.453.223.572	0	5.452.776.149	32.453.223.572
TỔNG CỘNG	6.442.688.047.266	0	7.871.939.815.454	0	6.442.688.047.266	7.871.939.815.454

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này sau khi trừ phần dự phòng có khả năng không thu hồi được cho các phần nói trên do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.437.408.299.661	1.145.200.000.000
Cộng	1.437.408.299.661	1.145.200.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.734.548.643.008	1.321.506.818.341
Cộng	2.734.548.643.008	1.321.506.818.341

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8 - Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Đơn vị sở hữu vốn

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là đơn vị sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2021	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 31/12/2021
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000
Góp vốn	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000

2.2 Công ty liên kết

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2021	Số dư tại ngày 31/12/2021
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc		
Góp vốn		
- Giá trị xác định theo vốn chủ sở hữu	17.787.190.069	15.861.640.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2.3 Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Lợi nhuận còn lại năm 2014	45.000.000.000	0
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	5.658.250.000	0
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	316.255.131.700	19.521.583.400
		Lãi chậm trả tiền hàng	585.767.573.200	16.004.788.800
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng	16.996.305.982	1.752.714.832
		Nhận cổ tức	6.659.776.200	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - Chi nhánh phân bón - Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	11.090.290.620	0
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng	17.338.797.000	0
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	20.358.425.500	(304.920.000)
Công ty CP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	30.935.000.000	0
Công ty CP Phân lân Nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	9.396.374.900	0
Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	27.546.993.000	(329.027.000)

2.4 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm 2021 là: 2.042.971.343

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và năm 2020 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 5.632.083.948.992 đồng, lỗ lũy kế 4.745.564.333.744 đồng dẫn đến vốn góp của chủ sở hữu âm 1.977.529.546.530 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày 25/01/2022, Công ty đã ban hành Thông báo số 139/ĐHB-KTTC về việc bán đấu giá 5.423.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã được thông qua tại quyết định số 78/QĐ-HDQT ngày 12/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc về việc "Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc".

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Ninh